

Quận 11, ngày 26 tháng 6 năm 2019

**BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC Y TẾ CÁC ĐƠN VỊ  
TRỰC THUỘC PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
NĂM HỌC 2018-2019**

**I. CÁC TRƯỜNG MẦM NON:**

| TT | ĐƠN VỊ                | Điểm Phòng Y tế<br>(Điểm chuẩn: 50đ) |                    | Ghi chú |
|----|-----------------------|--------------------------------------|--------------------|---------|
|    |                       | Tự chấm                              | Phòng Y tế<br>chấm |         |
| 1  | MẦM NON PHƯỜNG 3      | 49                                   | 49,45              |         |
| 2  | MẦM NON PHƯỜNG 7      | 48,5                                 | 48,95              |         |
| 3  | MẦM NON PHƯỜNG 9      | 50                                   | 49,68              |         |
| 4  | MẦM NON PHƯỜNG 11     | 50                                   | 49,88              |         |
| 5  | MẦM NON PHƯỜNG 12     | 50                                   | 49,58              |         |
| 6  | MẦM NON PHƯỜNG 16     | 47,75                                | 48,38              |         |
| 7  | MẦM NON QUẬN          | 49                                   | 50                 |         |
| 8  | MẦM NON PHƯỜNG 1      | 50                                   | 49,75              |         |
| 9  | MẦM NON PHƯỜNG 2      | 49                                   | 49,53              |         |
| 10 | MẦM NON PHƯỜNG 4      | 50                                   | 47,98              |         |
| 11 | MẦM NON PHƯỜNG 5      | 50                                   | 49,58              |         |
| 12 | MẦM NON PHƯỜNG 6      | 47,5                                 | 49,28              |         |
| 13 | MẦM NON PHƯỜNG 8      | 48,5                                 | 49,3               |         |
| 14 | MẦM NON 10            | 50                                   | 49,95              |         |
| 15 | MẦM NON PHƯỜNG 13     | 49,5                                 | 48,93              |         |
| 16 | MẦM NON PHƯỜNG 14     | 50                                   | 50                 |         |
| 17 | MẦM NON 15            | 50                                   | 48,85              |         |
| 18 | MẦM NON VIỆT ANH      | 47,5                                 | 47,88              |         |
| 19 | MẦM NON QUỐC TẾ MỸ ÚC | 49                                   | 47,1               |         |

|    |                         |      |       |  |
|----|-------------------------|------|-------|--|
| 20 | MẦM NON PHÚ BÌNH        | 44   | 49    |  |
| 21 | MẦM NON ÁNH DƯƠNG       | 39,5 | 45,33 |  |
| 22 | MẦM NON VIỆT MỸ         | 49,5 | 49,35 |  |
| 23 | MẦM NON HOA HƯƠNG DƯƠNG | 47   | 46,95 |  |

## II. CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC:

| TT | ĐƠN VỊ           | Điểm Phòng Y tế<br>(Điểm chuẩn: 50đ) |                    | Ghi chú |
|----|------------------|--------------------------------------|--------------------|---------|
|    |                  | Tự chấm                              | Phòng Y tế<br>chấm |         |
| 1  | HÙNG VIỆT        | 50                                   | 48,65              |         |
| 2  | NGUYỄN THI       | 50                                   | 49,05              |         |
| 3  | PHÙNG HÙNG       | 49,5                                 | 49,5               |         |
| 4  | PHẠM VĂN HAI     | 50                                   | 48,2               |         |
| 5  | HOÀ BÌNH         | 50                                   | 49,05              |         |
| 6  | TRẦN VĂN ƠN      | 50                                   | 49,63              |         |
| 7  | ÂU CƠ            | 50                                   | 48,43              |         |
| 8  | ĐỀ THÁM          | 50                                   | 49,88              |         |
| 9  | LẠC LONG QUÂN    | 50                                   | 49,5               |         |
| 10 | HÀN HẢI NGUYỄN   | 50                                   | 47,48              |         |
| 11 | NGUYỄN BÁ NGỌC   | 49                                   | 48,98              |         |
| 12 | THÁI PHIÊN       | 49,5                                 | 48,03              |         |
| 13 | QUYẾT THẮNG      | 48,5                                 | 48,93              |         |
| 14 | PHÚ THỌ          | 50                                   | 48,75              |         |
| 15 | ĐẠI THÀNH        | 45,5                                 | 47,75              |         |
| 16 | TRUNG TRẮC       | 50                                   | 48,23              |         |
| 17 | NGUYỄN THỊ NHỎ   | 50                                   | 47,53              |         |
| 18 | LÊ ĐÌNH CHINH    | 50                                   | 49,25              |         |
| 19 | GIÁO DỤC CB 15/5 | 49,5                                 | 47,3               |         |
| 20 | BÌNH THỚI        | 47,75                                | 48,53              |         |
| 21 | VIỆT MỸ          | 46,25                                | 49,05              |         |

### III. CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRƯỜNG BỒI DƯỠNG GIÁO DỤC:

| TT | ĐƠN VỊ            | Điểm Phòng Y tế<br>(Điểm chuẩn: 50đ) |                    | Ghi chú |
|----|-------------------|--------------------------------------|--------------------|---------|
|    |                   | Tự chấm                              | Phòng Y tế<br>chấm |         |
| 1  | CHU VĂN AN        | 49,5                                 | 46,13              |         |
| 2  | LỮ GIA            | 50                                   | 48,78              |         |
| 3  | HẬU GIANG         | 49,5                                 | 48,33              |         |
| 4  | NGUYỄN VĂN PHÚ    | 49                                   | 46,95              |         |
| 5  | LÊ QUÝ ĐÔN        | 50                                   | 48,63              |         |
| 6  | NGUYỄN HUỆ        | 47,75                                | 48,08              |         |
| 7  | NGUYỄN MINH HOÀNG | 49                                   | 47,33              |         |
| 8  | LÊ ANH XUÂN       | 50                                   | 47,6               |         |
| 9  | PHÚ THỌ           | 47,75                                | 47,88              |         |
| 10 | TRƯỜNG BDGD       | 50                                   | 50                 |         |

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Vương Anh Tài**

**THÔNG QUA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Phi Long**

